TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2025/DS-ST
Ngày: 26-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Vinh;

2. Ông Nguyễn Phước Nhiều.

Thư ký phiên tòa: Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1243/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 489/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 406/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.
Địa chỉ trụ sở chính: Số B - B đường N, phường X (trước đây là Phường H, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang Trung H, sinh năm 1984; Số B - B đường N, phường X (trước đây là Phường H, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 2236/2024/UQ-TT.XLN ngày 13 tháng 11 năm 2024) là người đại diện theo ủy quyền.

2. Bị đơn: Ông Phạm Tuấn L, sinh năm 2000;
Địa chỉ: 2 P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa vắng mặt ông Nguyễn Quang Trung H, ông Phạm Tuấn L (ông Nguyễn Quang Trung H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S có ông Nguyễn Quang Trung H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, Ngân hàng thương mại cổ phần S (Sau đây gọi là nguyên đơn, S1) và ông Phạm Tuấn L (Sau đây gọi là bị đơn) ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và

điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S (Sau đây gọi là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bị đơn, nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074 - 6429, hạn mức sử dụng là 30.000.000với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 375.329.714 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 356.858.714 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng; cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa/thanh toán thẻ trực tuyến của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa/thanh toán thẻ trực tuyến trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các Điều 18, 19, 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, căn cứ Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của của ngân hàng, ngày 10/02/2024, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 25.770.459 đồng làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc. Theo Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của ngân hàng về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam, mức lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074 – 6429 là 2,48%/tháng. Theo Điều 1.23 của bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, mức lãi suất nợ quá hạn là 3,72 %/tháng (bằng 150% lãi trong hạn).

Mặc dù nguyên đơn đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp cũng như yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời nguyên đơn sẽ tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho nguyên đơn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074 - 6429 tính đến hết ngày 26 tháng 9 năm 2025 của thẻ tín dụng là 53.481.420 đồng, trong đó nợ gốc: 25.770.459 đồng, lãi quá hạn: 27.710.961 đồng. Ngoài ra bị đơn còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, tại đơn yêu cầu vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên các ý kiến trình bày đã nộp cho Tòa án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng. Thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử đã thực hiện đúng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2025.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa và các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074 - 6429 tính đến hết ngày 26 tháng 9 năm 2025 của thẻ tín dụng là 53.481.420 đồng, trong đó nợ gốc: 25.770.459 đồng, lãi quá hạn: 27.710.961 đồng. Ngoài ra bị đơn còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi là nguyên đơn, S1) khởi kiện ông Phạm Tuấn L (sau đây gọi là bị đơn) tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại 2 P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Quang Trung H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ của thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074 - 6429 tổng cộng là 53.481.420 đồng, trong đó nợ gốc: 25.770.459 đồng, lãi quá hạn: 27.710.961 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[5] Ngày 09 tháng 8 năm 2022 nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập bị đơn, nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074 - 6429, hạn mức sử dụng

là 30.000.000ng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Xét thấy, việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

[6] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ bảng tóm tắt sao kê các giao dịch đã thực hiện qua thẻ tín dụng thể hiện: Sau khi được cấp thẻ tín dụng nói trên, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 375.329.714 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 356.858.714 đồng.

[7] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ theo Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S1 ngày 10 tháng 02 năm 2024, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Xét thấy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc còn nợ của tín thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074 - 6429 tổng cộng là 53.481.420 đồng là phù hợp với các Điều 2 của bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên có cơ sở chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử ngày 26 tháng 9 năm 2025 của thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074 - 6429 tổng cộng là 53.481.420 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[9] Đối với lãi quá hạn của thẻ tín dụng: Theo Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của nguyên đơn về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam, mức lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074 - 6429 là 2,48%/tháng. Theo Điều 1.23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn thì mức lãi suất nợ quá hạn là 3,72%/tháng (bằng 150% lãi trong hạn). Do đó, tổng số tiền lãi quá hạn bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26 tháng 9 năm 2025 là 27.710.961 đồng.

[10] Từ những nhận định trên bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ của thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074 - 6429 tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2025 tổng cộng là 53.481.420 đồng, bao gồm: nợ gốc là 25.770.459 đồng, lãi quá hạn là 27.710.961 đồng.

[11] Kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2025 bị đơn có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 09 tháng 8 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí.

[13] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2025.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2025;

- Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực;

- Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

- Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung các năm 2014, 2018, 2020, 2022;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Phạm Tuấn L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2025 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S ngày 09 tháng 8 năm 2022 của thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074 - 6429 tổng cộng là 53.481.420 (Năm mươi ba triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi) đồng, trong đó nợ gốc: 25.770.459 đồng, lãi quá hạn: 27.710.961 đồng.

Kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Phạm Tuấn L còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S ngày 09 tháng 8 năm 2022.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Tuấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.674.071 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.183.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0073277 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - TP.HCM;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Tuyết